

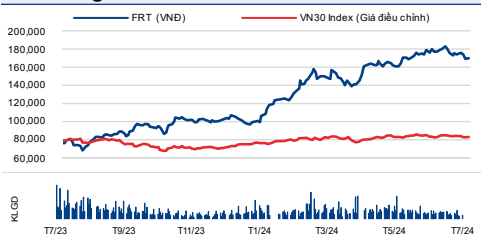
Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ191,600
Tiềm năng tăng/giảm: 13.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/7/2024)	169,300
Mã Bloomberg	FRT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	68,200-183,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	169,433
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	23,066
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	913
Slg CP lưu hành (tr.đv)	136
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	66.8
Slg CP NN được mua (tr.đv)	18.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	35.5%
Tỷ lệ freefloat	43.6%
Cổ đông lớn	Công ty Cổ phần FPT (46.5%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	31,850	38,751	45,138
EBITDA đc (tỷ đồng)	(84.5)	935	1,463
LNTT (tỷ đồng)	(294)	391	888
LNT ĐC (tỷ đồng)	(346)	197	538
FCF (tỷ đồng)	(2,531)	(488)	339
EPS ĐC (đồng)	(2,537)	1,448	3,950
DPS (đồng)	0	0	500
BVPS (đồng)	11,738	13,186	16,636
T.trưởng EBITDA (%)	(115)	1,207	56.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	(189)	157	173
Tăng trưởng DPS (%)	(100)	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	(0.27)	2.41	3.24
Tỷ suất LNTT (%)	(0.92)	1.01	1.97
Tỷ suất LNT ĐC (%)	(1.09)	0.51	1.19
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	12.7
Nợ thuần/VCSH (%)	449	389	296
ROAE (%)	(19.2)	11.6	26.5
ROACE (%)	(4.48)	33.1	48.8
EV/doanh thu (lần)	0.95	0.77	0.66
EV/EBITDA ĐC (lần)	(358)	32.1	20.3
P/E ĐC (lần)	N/a	117	42.9
P/B (lần)	14.4	12.8	10.2
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0.30

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FRT là nhà bán lẻ điện thoại và dược phẩm. Tại thời điểm cuối quý 3/2023, công ty có 791 cửa hàng điện thoại FPT Shop và 1.384 nhà thuốc Long Châu.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên

manh.tdang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q2/2024: Thấp hơn dự báo do chi phí phát sinh khi đóng cửa hàng

- FRT báo cáo KQKD Q2/2024 vững chắc, với doanh thu thuần đạt 9.240 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 27 tỷ đồng, giảm 31% so với quý trước do các khoản chi phí không thường xuyên phát sinh trong quá trình đóng cửa hàng. Công ty ghi nhận lợi nhuận chuyển biến tích cực trong quý, từ lỗ 219 tỷ đồng trong Q2/2023.
- Trong nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt lần lượt 18.281 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ) và 90 tỷ đồng, hoàn thành 47% và 46% dự báo cho năm 2024 của chúng tôi.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 191.600đ. KQKD của chuỗi nhà thuốc Long Châu vượt dự báo, trong khi KQKD của FPT Shop cải thiện rõ nét sau khi Công ty thực hiện tái cấu trúc. Chúng tôi đang xem xét lại dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2024

FRT báo cáo KQKD Q2/2024 vững chắc với doanh thu thuần đạt 9.240 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 27 tỷ đồng, giảm 31% so với quý trước do các khoản chi phí không thường xuyên phát sinh trong quá trình đóng các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả. Lợi nhuận trong quý chuyển biến tích cực từ lỗ 219 tỷ đồng trong Q2/2023.

Lũy kế nửa đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 18.281 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ), và lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 90 tỷ đồng, chuyển biến tích cực từ lỗ 224 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2023. Với kết quả trên, FRT hoàn thành lần lượt 47% và 46% dự báo cho cả năm 2024 của HSC.

Chuỗi nhà thuốc Long Châu: Lợi nhuận vượt dự báo, nhờ doanh thu trên mỗi cửa hàng tăng mạnh

Doanh thu thuần Q2/2024 của chuỗi nhà thuốc Long Châu tăng mạnh 66% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước đạt 5.987 tỷ đồng, cao hơn 5% so với dự báo của HSC ở mức 5.700 tỷ đồng. Bất chấp việc liên tục mở rộng mạng lưới cửa hàng (119/209 cửa hàng mới trong Q2/2024/tính từ đầu năm, chủ yếu tại các đô thị loại 2 và loại 3), doanh thu trên mỗi cửa hàng đạt 1,21 tỷ đồng (tăng 1% so với quý trước và 16% so với cùng kỳ), đa phần do lượng khách tăng, theo BLĐ Công ty.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2024, FRT

Lợi nhuận thuần 'cốt lõi' phục hồi mạnh mẽ từ mức lỗ trong Q2/2023 để đạt 49 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q2/24	% so với cùng kỳ	Q2/24F	% đạt dự báo	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	9,240	29%	9,056	102%	18,281	23%
Lợi nhuận gộp	1,811	67%	1,766	103%	3,618	59%
Chi phí HĐ	(1,682)	38%	(1,639)	103%	(3,365)	44%
EBIT	129	-195%	127	102%	253	-475%
Lỗ tài chính	(35)	-47%	(35)	101%	(70)	-48%
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	72	Đào chiều	92	78%	161	Đào chiều
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	27		47	57%	66	Đào chiều
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	49	Đào chiều	N/a	N/a	90	Đào chiều
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19.6%		19.5%		19.8%	
Chi phí HĐ/Doanh thu thuần	-18.2%		-18.1%		-18.4%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	0.5%		0.5%		0.5%	

Nguồn: FRT, HSC

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 ở mức 23% (sát với dự báo), thấp hơn mức 24% trong Q1/2024 và 22% trong Q2/2023. Lợi nhuận thuần ổn định ở mức 111 tỷ đồng (không đổi so với quý trước và tăng 137% so với cùng kỳ), cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 99 tỷ đồng.

FPT Shop: Lợi nhuận thấp hơn dự báo do chi phí phát sinh khi đóng cửa hàng

Doanh thu thuần Q2/2024 của FPT Shop sát với dự báo của HSC ở mức 4.340 tỷ đồng, giảm 7% so với quý trước và so với cùng kỳ. Trong Q2/2024, FPT Shop đóng cửa 101 cửa hàng có lợi nhuận thấp. Tính từ đầu năm, Công ty đóng cửa 113 cửa hàng hoạt động kém hiệu quả. Đáng khích lệ, doanh thu trên mỗi cửa hàng trong quý ổn định ở mức 1,6 tỷ đồng (không thay đổi so với quý trước) mặc dù đang trong mùa thấp điểm. Tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2024 duy trì ở mức khá tốt 13,8% (tăng 20 điểm cơ bản và 5,6% điểm phần trăm so với quý trước), nhờ: (1) Công ty vẫn tiếp tục kế hoạch chuyển đổi mang tính chiến lược sang các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao như thiết bị gia dụng và hàng điện tử tiêu dùng, và (2) cuộc đua về giá bán với đối thủ ở mức thấp.

Loại trừ khoản chi phí không thường xuyên do đóng cửa hàng hoạt động kém hiệu quả, lỗ thuần HĐKD cốt lõi ở mức 39 tỷ đồng, cao hơn dự báo của chúng tôi ở mức 32 tỷ đồng, vẫn thấp hơn mức lỗ 49 tỷ đồng trong Q1/2024. HSC dự báo tình trạng thua lỗ sẽ thu hẹp dần theo quý trong Q3/2024 và bắt đầu có lợi nhuận trong Q4/2024.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng

HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, sau khi chuỗi nhà thuốc Long Châu ghi nhận KQKD cao hơn dự báo, cộng với việc FPT Shop có cải thiện trong HĐKD sau tái cấu trúc. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FRT với giá mục tiêu theo phương pháp SoTP là 191.600đ.

Bảng 2: KQKD Q2/2024, Long Châu

Tỷ đồng	Q2/23	Q1/24	Q2/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2023	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,615	5,534	5,987	66%	8%	6,899	11,521	67%
Số lượng cửa hàng tính đến cuối quý	1,243	1,587	1,706	37%	7%	1,243	1,706	37%
Bình quân số lượng cửa hàng	1,150	1,542	1,647	43%	7%	1,150	1,647	43%
Doanh thu hàng tháng mỗi cửa hàng	1.05	1.20	1.21	16%	1%	1.00	1.17	17%
Lợi nhuận thuần	47	112	111	137%	-1%	125	223	78%

Nguồn: FRT, HSC

Bảng 3: KQKD Q2/2024, FPT Shop

Tỷ đồng	Q2/23	Q1/24	Q2/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2023	6T2024	% so với cùng kỳ
Doanh thu thuần	3,605	3,583	3,340	-7%	-7%	8,118	6,923	-15%
Số lượng cửa hàng tính đến cuối quý	800	743	642	-20%	-14%	800	642	-20%
Bình quân số lượng cửa hàng	804	749	693	-14%	-8%	804	693	-14%
Doanh thu hàng tháng mỗi cửa hàng	1.50	1.59	1.61	7%	1%	1.68	1.67	-1%
Lỗ thuần 'cốt lõi'	(252)	(49)	(39)	-85%	-20%	(321)	(88)	-73%
Lỗ thuần, báo cáo	(252)	(51)	(62)	-75%	21%	(318)	(113)	-65%

Nguồn: FRT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	30,166	31,850	38,751	45,138	50,496
Lợi nhuận gộp	4,703	5,162	7,131	8,647	9,944
Chi phí BH&QL	(4,147)	(5,246)	(6,514)	(7,512)	(8,440)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	557	(84.5)	618	1,135	1,503
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(238)	(258)	(238)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	12.9	12.4	11.3	11.9	12.5
LNTT	486	(294)	391	888	1,277
Chi phí thuế TNDN	(87.5)	(35.0)	(103)	(182)	(259)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.71)	(16.4)	(91.4)	(168)	(224)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	390	(346)	197	538	795
Lợi nhuận thuần ĐC	390	(346)	197	538	795
EBITDA ĐC	557	(84.5)	935	1,463	1,849
EPS (đồng)	2,865	(2,537)	1,448	3,950	5,834
EPS ĐC (đồng)	2,865	(2,537)	1,448	3,950	5,834
DPS (đồng)	500	0	0	500	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	118	136	136	136	136
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	136	136	136	136	136

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	746	961	239	411	477
Đầu tư ngắn hạn	1,119	1,194	400	400	1,500
Phải thu khách hàng	89.6	126	153	179	200
Hàng tồn kho	6,484	8,427	10,060	11,282	12,560
Các tài sản ngắn hạn khác	889	708	822	836	851
Tổng tài sản ngắn hạn	9,327	11,415	11,674	13,108	15,587
TSCĐ hữu hình	675	1,079	1,097	1,064	1,013
TSCĐ vô hình	156	172	228	223	218
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	366	432	192	212	234
Tổng tài sản dài hạn	1,197	1,683	1,517	1,499	1,465
Tổng cộng tài sản	10,524	13,098	13,191	14,607	17,052
Nợ ngắn hạn	5,363	8,108	7,179	7,081	7,631
Phải trả người bán	2,307	2,274	2,767	3,223	3,606
Nợ ngắn hạn khác	766	921	1,183	1,581	2,194
Tổng nợ ngắn hạn	8,474	11,379	11,183	11,960	13,524
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0.01	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0.09	0.54	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ dài hạn	0.09	0.56	0.09	0.09	0.09
Tổng nợ phải trả	8,474	11,379	11,183	11,961	13,524
Vốn chủ sở hữu	2,008	1,599	1,796	2,267	2,925
Lợi ích cổ đông thiểu số	41.1	120	211	379	603
Tổng vốn chủ sở hữu	2,049	1,719	2,008	2,646	3,529
Tổng nợ phải trả và VCSH	10,524	13,098	13,191	14,607	17,052
BVPS (đ)	16,951	11,738	13,186	16,636	21,470
Nợ thuần*/(tiền mặt)	4,618	7,147	6,941	6,670	7,155

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	557	(84.5)	618	1,135	1,503
Khấu hao	0	0	(318)	(328)	(346)
Lãi vay thuần	(83.8)	(222)	(238)	(258)	(238)
Thuế TNDN đã nộp	(135)	(0.11)	(103)	(182)	(259)
Thay đổi vốn lưu động	(1,850)	(1,848)	(941)	(386)	(301)
Khác	(59.4)	329	188	(7.85)	(9.23)
LCT thuần từ HKKD	(1,572)	(1,826)	(159)	629	1,041
Đầu tư TS dài hạn	(454)	(705)	(329)	(290)	(290)
Góp vốn & đầu tư	2,378	33.6	695	0	(1,100)
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,924	(672)	366	(290)	(1,390)
Cổ tức trả cho CSH	(39.5)	(59.2)	0	(68.1)	(136)
Thu từ phát hành CP	11.5	27.3	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(684)	2,745	(929)	(98.5)	550
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(712)	2,713	(929)	(167)	414
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,105	746	961	239	411
LCT thuần trong kỳ	(360)	215	(722)	172	65.5
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.04	0.07	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	746	961	239	411	477
Dòng tiền tự do	(2,026)	(2,531)	(488)	339	751

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	15.6	16.2	18.4	19.2	19.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.84	(0.27)	2.41	3.24	3.66
Tỷ suất LNT (%)	1.29	(1.09)	0.51	1.19	1.57
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.0	(11.9)	26.2	20.5	20.3
Tăng trưởng doanh thu (%)	34.1	5.58	21.7	16.5	11.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.5	(115)	1,207	56.4	26.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(12.0)	(189)	157	173	47.7
Tăng trưởng EPS (%)	(9.31)	(189)	157	173	47.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(9.31)	(189)	157	173	47.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	(100)	nm	nm	100
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	17.5	0	0	12.7	17.1
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	21.3	(19.2)	11.6	26.5	30.6
ROACE (%)	29.9	(4.48)	33.1	48.8	48.7
Vòng quay tài sản (lần)	2.83	2.70	2.95	3.25	3.19
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(2.82)	21.6	(0.26)	0.55	0.69
Số ngày tồn kho	92.9	115	116	113	113
Số ngày phải thu	1.28	1.72	1.77	1.79	1.80
Số ngày phải trả	33.1	31.1	31.9	32.2	32.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	232	449	389	296	246
Nợ/tài sản (%)	51.3	62.2	54.7	48.8	45.1
EBIT/lãi vay (lần)	6.64	(0.38)	2.60	4.39	6.31
Nợ/EBITDA (lần)	9.70	(96.4)	7.72	4.87	4.16
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.10	1.00	1.04	1.10	1.15
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.82	0.95	0.77	0.66	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	44.3	(358)	32.1	20.3	16.3
P/E (lần)	59.1	N/a	117	42.9	29.0
P/E ĐC (lần)	59.1	N/a	117	42.9	29.0
P/B (lần)	9.99	14.4	12.8	10.2	7.89
Lợi suất cổ tức (%)	0.30	0	0	0.30	0.59

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn